

Số: 894/TMBG-BVĐKT  
V/v Thư mời chào báo giá

Hòa Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh các khoa và Kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm Hóa chất xét nghiệm cho máy Miễn dịch của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình, Địa chỉ: Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:**

- Kiều Thị Thuỳ Trang, Số điện thoại: 0985900286 hoặc 02183852199 số máy lẻ 250, email: [phongvtbvhb@gmail.com](mailto:phongvtbvhb@gmail.com).

- Trương Thị Thanh Thảo, Số điện thoại: 0966399666, email: [phongvtbvhb@gmail.com](mailto:phongvtbvhb@gmail.com).

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:** Gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT, Tầng 2 toà nhà Dược – Vật tư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình, Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** 10 ngày kể từ ngày Thư mời chào báo giá này có hiệu lực (Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

**5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục Hóa chất xét nghiệm Miễn dịch (gọi chung là Hàng hoá):

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

**2. Địa điểm cung cấp và bảo hành hàng hóa:** Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình,  
Địa chỉ: Tổ 10, phường Đồng Tiến, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Hoà Bình.

**3. Thời gian giao hàng dự kiến:** 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng ký kết có hiệu lực.

**4. Mẫu Báo giá:** Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

**Lưu ý:** Đơn giá của quý công ty đã bao gồm thuế, phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có), bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Khoa HS, phòng TCKT;
- Phòng CTXH (Đăng tải Website Bv);
- Lưu: VT, VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Diệu

## PHỤ LỤC DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số 894 /TMBG-BVĐKT ngày 20 /08/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình)

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
1	Dung dịch rửa cuvet sau phản ứng	- Nước muối đậm Phosphate; natri azide (<0.1%). - Hộp (1x3000 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	258.000	
2	Dung dịch acid kích hoạt phản ứng hóa phát quang cho xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch: - Thành phần: Hydrogen peroxide (0.5%); nitric acid (0.1 N) - Hộp (2x1500 ml)	ml	66.000	
3	Dung dịch base kích hoạt phản ứng hóa phát quang cho xét nghiệm miễn dịch	- Dung dịch tham gia phản ứng miễn dịch: - Thành phần: Sodium hydroxide (< 0.25 N); surfactant - Hộp (2x1500 ml)	ml	66.000	
4	Dung dịch làm sạch hệ thống	- Natri hypochlorite (0.29%). - Hộp (2x1500 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	210.000	
5	Dung dịch phụ rửa kim 1	- Chất rửa ống hút 1. - Hộp (2x25 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	500	
6	Dung dịch phụ rửa kim 3	- Chất rửa ống hút 3. - Hộp (2x25 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	500	
7	Dung dịch rửa kim 3	- Dung dịch rửa kim 3. - Hộp (1x50 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	450	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
8	Hóa chất xét nghiệm FERRITIN	- Thuốc thử được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin) - Hộp 90 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	65	
9	Hóa chất xét nghiệm NT PROBNP	- Hóa chất xét nghiệm N-terminal pro-brain natriuretic peptide (NT-proBNP) trong huyết thanh và huyết tương người - Hộp 100 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	22	
10	Hóa chất xét nghiệm CKMB	- Hóa chất dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng CK-MB trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) - Hộp 100 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	5	
11	Hóa chất xét nghiệm TROPONIN I SIEU NHAY	- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong định lượng troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người (lithium heparin) - Hộp 100 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	160	
12	Hóa chất xét nghiệm CORTISOL	- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương (EDTA và lithium heparin) và nước tiểu của người - Hộp 50 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	40	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
13	Hóa chất xét nghiệm FSH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng hormone kích thích tạo nang trứng (FSH) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)- Hộp 190 test- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	1	
14	Hóa chất xét nghiệm LH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng hormone tạo hoàng thể (LH) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 110 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	1	
15	Hóa chất xét nghiệm ESTROGEL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng estradiol trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	5	
16	Hóa chất xét nghiệm PROGESTEROL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng progesterone trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 90 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	3	
17	Hóa chất xét nghiệm PROLACTIN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng prolactin trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 50 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	8	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
18	Hóa chất xét nghiệm TOTAL HCG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng nội tiết tố hCG ở huyết thanh hoặc huyết tương người (EDTA hoặc lithium heparin)</li> <li>- Hộp 90 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	45	
19	Hóa chất xét nghiệm TESTOSTEROL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng testosterone toàn phần (gắn kết và không gắn kết) trong huyết thanh và huyết tương người</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	6	
20	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm ANTI TPO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng tự kháng thể kháng peroxidase tuyến giáp trong huyết thanh và huyết tương (EDTA và heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	14	
21	Hóa chất xét nghiệm FT4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin)</li> <li>- Hộp 250 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	76	
22	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm FT3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng triiodothyronine tự do (FT3) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> </ul>	Hộp	255	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộp 60 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>			
23	Hóa chất xét nghiệm T4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng thyroxine (T4) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 150 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	9	
24	Hóa chất xét nghiệm T3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 120 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	70	
25	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro để định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH, thyrotropin) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 110 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	170	
26	Hóa chất xét nghiệm AFP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng alpha-fetoprotein trong huyết thanh hoặc huyết tương người (EDTA và lithium heparin); dịch ối</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	62	
27	Hóa chất xét nghiệm FBHCG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất sử dụng chẩn đoán trong việc xác định định lượng tiểu đơn vị beta tự do của gonadotropin màng đệm trong huyết</li> </ul>	Hộp	4	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>thanh người.</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>			
28	Hóa chất xét nghiệm CEA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	42	
29	Hóa chất xét nghiệm CA 125	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong định lượng theo chuỗi CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	22	
30	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên ung thư CA 15-3 theo chuỗi trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và lithium heparin)<sup>1</sup>-</li> <li>Thành phần: Gói thuốc thử chính - Hộp 100 test- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	26	
31	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm CA 19-9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong định lượng theo chuỗi CA 19-9 trong huyết thanh người và hỗ trợ quản lý bệnh nhân mắc ung thư dạ dày-ruột (GI)</li> <li>- Hộp 50 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	40	



STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
32	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt trong huyết thanh người</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	28	
33	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm Anti TG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng tự kháng thể kháng thyroglobulin trong huyết thanh, huyết tương người (đikali EDTA, lithium heparin, natri heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	9	
34	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm TG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất xét nghiệm định lượng TG.</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	12	
35	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm PROCALCITONIN (PCT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA, lithium heparin và natri heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	11	
36	Hóa chất dùng cho xét nghiệm PTH	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng hormone tuyến cận giáp nguyên vẹn trong huyết thanh và huyết tương người</li> <li>- Hộp 190 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	8	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
37	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Insulin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng insulin ở huyết thanh người</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp	3	
38	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-peptide	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng peptide C trong huyết thanh và nước tiểu của người</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	3	
39	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm VITAMIN B12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng vitamin B12 trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	1	
40	Hóa chất chính dùng cho xét nghiệm BNP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng peptide natri lợi niệu tủy B trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA và heparin)</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	Hộp	2	
41	Hóa chất kiểm tra chất lượng BNP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất kiểm chuẩn BNP, được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chính xác của xét nghiệm BNP</li> <li>- Hộp (3x3x2mL)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	36	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
42	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm ESTROGEL	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Estrogel.</li> <li>- Hộp (2x2x2ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	40	
43	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm T3, FREE T3, T4, FREE T4, T-UPTAKE	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng T3, FREE T3, T4, FREE T4, T-UPTAKE.</li> <li>- Hộp (2x2x5ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	160	
44	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm LH, FSH, PROLACTIN, TOTAL HCG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng LH, FSH, PROLACTIN, TOTAL HCG.</li> <li>- Hộp (2x2x5ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	120	
45	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN, VITAMIN B12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng FERRITIN, VITAMIN B12.</li> <li>- Hộp (2x2x5ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	120	
46	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm AFP, CEA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng AFP, CEA.</li> <li>- Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	48	
47	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CORTISOL, PROGESTERON	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CORTISOL, PROGESTERON.</li> <li>- Hộp (2x2x2ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	48	
48	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm ANTI TPO	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng aTPO</li> <li>- Hộp (2x2x1ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	24	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
49	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm PSA	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng PSA. - Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	48	
50	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CA 125	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA 125II. - Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	48	
51	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CA 15-3	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CA 15-3. - Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	48	
52	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CKMB	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng CKMB. - Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	32	
53	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm INSULIN	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng insulin - Hộp (2x2x1ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	12	
54	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm BNP	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng BNP - Hộp (2x2x2ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	48	
55	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm C-peptide	- Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm C-peptide - Hộp (2x2x1ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	12	
56	Hóa chất pha loãng xét nghiệm TOTAL HCG	- Hóa chất pha loãng xét nghiệm TOTAL HCG. - Hộp (2x25ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	1.500	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
57	Hóa chất tiền phân ứng xét nghiệm T3/T4/ VITAMIN B12	- Thuốc thử phụ T3/T4/ VITAMIN B12. - Hộp (2 x 23.6 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	25	
58	Chất chống dính/DTT cho xét nghiệm Vitamin B12	- Chất chống dính/DTT cho xét nghiệm Vitamin B12 - Hộp 1 x 2 mL/vial DTT 2 x 25.0 mL/vial Releasing Agent 4 empty ReadyPack ancillary reagent packs - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3	
59	Hóa chất kiểm tra chất lượng ANTI TPO	- Hoá chất được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm aTPO - Hộp (2x3x2 mL) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ml	72	
60	Hóa chất kiểm tra chất lượng PTH	- Hoá chất được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PTH. - Hộp (3x2x1 mL) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ml	24	
61	ĐẦU CÔN	- Đầu côn - Hộp 6480 cái - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp	32	
62	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm PCT	- Hoá chất được dùng cho chẩn đoán in vitro khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PCT. - Hộp (2x2x2 mL) - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ml	48	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
63	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm aTG	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti TgII.</li> <li>- Hộp (2 x 3 x 1 ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	36	
64	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho các xét nghiệm miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng các thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC hoặc tương đương.</li> <li>- Hộp (12x5 ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	420	
65	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh, mức 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.</li> <li>- Hộp (3x1 ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	12	
66	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh, mức 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.</li> <li>- Hộp (3x1 ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	12	
67	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm sàng lọc trước sinh, mức 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng đủ 06 thông số bao gồm Inhibin A. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày ở 2-8oC hoặc tương đương.</li> <li>- Hộp (3x1 ml)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>	ml	12	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
68	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm tìm mạch	Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng 7 thông số. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 5 ngày 2-8oC hoặc 28 ngày -20oC hoặc tương đương - Hộp (3x2 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	132	
69	Gói tạo độ ẩm	- Gói tạo độ ẩm - Gói 5 cái - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2	
70	Cốc đựng mẫu dùng cho chuẩn các xét nghiệm	- Công nghệ đựng mẫu 1ml dùng cho hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa - miễn dịch - Hộp 1000 chiếc - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	5	
71	Công đo phản ứng	- Công đo phản ứng. - Hộp 3000 chiếc - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	70	
72	Dung dịch pha loãng mẫu cho xét nghiệm miễn dịch Multi-Diluent 1	- Mục đích: Dùng để pha loãng mẫu - Thành phần: Huyết thanh ngựa; natri azit (0,1%); chất bảo quản - Hộp (2x25 ml) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.250	
73	Dung dịch pha loãng mẫu cho xét nghiệm miễn dịch Multi-Diluent 2	- Mục đích: Dùng để pha loãng mẫu - Thành phần: Huyết thanh dê; natri azit (0,1%); các chất bảo quản	ml	600	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộp (2x10 mL)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>			
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các xét nghiệm máu ấn tim mạch</li> <li>- Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng</li> <li>- Lọ 3ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>			
74	Mẫu nội kiểm thông minh cho xét nghiệm máu ấn tim mạch, mức nồng độ 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các xét nghiệm máu ấn tim mạch</li> <li>- Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng</li> <li>- Lọ 3ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	72	
75	Mẫu nội kiểm thông minh cho xét nghiệm máu ấn tim mạch, mức nồng độ 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các xét nghiệm máu ấn tim mạch</li> <li>- Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng</li> <li>- Lọ 3ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	72	
76	Mẫu nội kiểm thông minh cho xét nghiệm máu ấn tim mạch, mức nồng độ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được thiết kế để theo dõi độ chính xác của các xét nghiệm máu ấn tim mạch- Thành phần: Huyết thanh người, dạng lỏng - Lọ 3ml- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	72	
77	Hóa chất xét nghiệm Pregnancy-Associated Plasma Protein-A (PAPP-A)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng để chẩn đoán in vitro để đo định lượng protein-A huyết tương liên quan đến thai kỳ trong huyết thanh người</li> <li>- Hộp 100 test</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	Hộp		
78	Immunoassay Premium Plus Control Tri-Level	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dạng đông khô. Thành phần 100% từ người. Đáp ứng các thông số Miễn dịch thường quy và CA125, CA199, CA153. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8oC hoặc</li> </ul>	ml	300	



STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
	(IA Premium Plus Tri-level)	28 ngày ở -20oC hoặc tương đương. - Hộp (4x3x5 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485			
79	Hóa chất xét nghiệm Calcitonin	- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong việc đo định lượng calcitonin trong huyết thanh và huyết tương người (K2 EDTA, K3 EDTA và lithium heparin) - Hộp 100 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	5	
80	Hóa chất xét nghiệm Free Prostate-Specific Antigen (FPSA)	- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng PSA tự do (Kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt) trong huyết thanh người - Hộp 50 test - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	7	
81	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm kháng nguyên tự do dành tuyến tiền liệt (FPSA CAL)	- Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm FPSA - Hộp (2x2x2 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	48	
82	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm đầu ын thư, mức 2 (Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Calcitonin)	- Hóa chất được dùng kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm đầu ын thư, level 2 - Hộp (5x1 mL) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	30	

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng dự kiến sử dụng cho 12 tháng	Ghi chú
83	Hóa chất kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm đầu ần ung thư, mức 3 (Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Calcitonin)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa chất được dùng kiểm tra chất lượng cho xét nghiệm đầu ần ung thư, level 3</li> <li>- Hộp (5x1 mL)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>	ml	30	

**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ BÌNH**



Kèm theo Thư mời chào báo giá số 894/TMBG-BVDKT ngày 20/8/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hoà Bình)

### PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ

#### BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các Vật tư/ Hoà chất như sau:

1. Báo giá cho Vật tư y tế:

STT	Danh mục	Ký mã hiệu, Model, hãng sản xuất (Tham khảo)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Quy cách đóng gói	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư, hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 120 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày... tháng... năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

